



TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2023
ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Mã trường **KSA**
(học tại TP.HCM)
7650 chỉ tiêu
51 chương trình
đào tạo đa lĩnh vực

Mã trường **KSV**
(học tại Phân hiệu Vĩnh Long)
630 chỉ tiêu
15 chương trình
đào tạo đa lĩnh vực

#1 CHỌN NƠI HỌC & CHỌN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình chuẩn, chương trình tiếng Anh bán phần, tiếng Anh toàn phần											
Lĩnh vực	STT	Chương trình đào tạo	Mã đăng ký xét tuyển	Thuộc ngành	Tổ hợp xét tuyển (Phương thức 4,6)		Điểm trúng tuyển 2022 (Phương thức 3, 4, 5, 6)				Chỉ tiêu 2023
					PT4	PT6	PT3	PT4	PT5	PT6	
Nhân văn	1	Tiếng Anh thương mại ^{(**)(5)}	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	D01, D96	58	58	850	26.1	165
Khoa học xã hội và hành vi	2	Kinh tế	7310101	Kinh tế	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	62	65	900	26.5	110
	3	Kinh tế chính trị ⁽⁵⁾	7310102	Kinh tế chính trị			62	65	900	26.5	50
	4	Kinh tế đầu tư	7310104_01	Kinh tế đầu tư			53	58	870	26	200
	5	Thẩm định giá và Quản trị tài sản	7310104_02								100
	6	Thống kê kinh doanh ^(*)	7310107	Thống kê kinh tế			51	54	830	26	55
	7	Toán tài chính ^(*)	7310108_01	Toán kinh tế			47	47	800	25.8	55
	8	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm ^(*)	7310108_02								55
	Công nghệ truyền thông	9	Truyền thông số và Thiết kế đa phương tiện	7320106			Công nghệ truyền thông	-A00 -A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 -D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	A00, A01, D01, V00	70	71
Kinh doanh và quản lý	10	Quản trị	7340101_01	Quản trị kinh doanh	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	58	58	860	26.2	790
	11	Quản trị khởi nghiệp	7340101_02				58	58	860	26.2	100
	12	Marketing	7340115	Marketing			71	72	940	27.5	170
	13	Bất động sản	7340116	Bất động sản			50	53	850	25.1	110
	14	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế			71	73	930	27	600
	15	Kinh doanh thương mại	7340121	Kinh doanh thương mại			63	66	900	26.9	220
	16	Thương mại điện tử ^(*)	7340122	Thương mại điện tử			63	68	940	27.4	140
	17	Công nghệ marketing	7340114_td	Marketing kỹ thuật số			Chương trình mới tuyển sinh năm 2023				50
	18	Quản trị bệnh viện	7340129_td	Quản trị bệnh viện			47	47	850	23.6	100
	19	Tài chính công	7340201_01	Tài chính - Ngân hàng			52	58	845	26.1	50
	20	Thuế ⁽⁵⁾	7340201_02								200
	21	Ngân hàng	7340201_03								250
	22	Thị trường chứng khoán	7340201_04								100
	23	Tài chính	7340201_05								540
	24	Đầu tư tài chính	7340201_06								50
	25	Bảo hiểm ⁽⁵⁾	7340204	Bảo hiểm			47	47	800	24.8	50
	26	Công nghệ tài chính	7340205	Công nghệ tài chính			Chương trình mới tuyển sinh năm 2023				50
	27	Tài chính quốc tế	7340206	Tài chính quốc tế			66	69	920	26.9	110
	28	Kế toán công	7340301_02	Kế toán			51	54	830	25.8	50
	29	Kế toán doanh nghiệp ⁽⁵⁾	7340301_03				58	58	830	23.1	70
	30	Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ^(***)	7340301_01				58	58	890	27.8	200
	31	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán			47	47	800	24.9	50
	32	Quản lý công ⁽⁵⁾	7340403	Quản lý công							

#1 CHỌN NƠI HỌC & CHỌN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình chuẩn, chương trình tiếng Anh bán phần, tiếng Anh toàn phần												
Lĩnh vực	STT	Chương trình đào tạo	Mã đăng ký xét tuyển	Thuộc ngành	Tổ hợp xét tuyển (Phương thức 4,6)		Điểm trúng tuyển 2022 (Phương thức 3, 4, 5, 6)				Chỉ tiêu 2023	
					PT4	PT6	PT3	PT4	PT5	PT6		
Kinh doanh và quản lý	33	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	-A00	A00, A01, D01, D07	62	62	900	26.8	150	
	34	Hệ thống thông tin kinh doanh ^(*)	7340405_01	Hệ thống thông tin quản lý	-A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3	A00, A01, D01, D07	51	54	880	27.1	55	
	35	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ^(*)	7340405_02		-D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2						Chương trình mới tuyển sinh năm 2023	50
	36	Kinh doanh số	7340415_td	Kinh doanh số	-D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2		58	58	880	25.8		50
Pháp luật	37	Luật kinh doanh quốc tế	7380101	Luật	-A00		A00, A01, D01, D96	52	54	860	26	170
	38	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	-A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3	A00, A01, D01, D07	63	67	920	26.5	55	
Máy tính, công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật	39	Khoa học dữ liệu ^(*)	7460108	Khoa học dữ liệu	-D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2		58	62	900	26.3	55	
	40	Kỹ thuật phần mềm ^(*)	7480103	Kỹ thuật phần mềm	- A00		46	46	830	26.2	100	
	41	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7489001	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	- A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3		Chương trình mới tuyển sinh năm 2023	80	81	950	27.7	70
	42	Kỹ sư Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	7480107	Trí tuệ nhân tạo	- D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2							
	43	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605_01	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	- D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2							
	44	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	7510605_02		Chương trình mới tuyển sinh năm 2023	50						
Kiến trúc và xây dựng	45	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	7580104	Kiến trúc đô thị	- A00	A00, A01, D01, V00	48	48	800	24.5	110	
					- A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3							
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	46	Kinh doanh nông nghiệp ⁽⁵⁾	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	- D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	A00, A01, D01, D07	49	49	800	25.8	50	
					-D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2							
Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	47	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ⁽⁵⁾	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	- A00	A00, A01, D01, D07	51	51	820	25.2	165	
	48	Quản trị khách sạn	7810201_01	Quản trị khách sạn	- A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3	A00, A01, D01, D07	51	52	820	25.4	85	
	49	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	7810201_02		- D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2						80	
					- D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2							
Kinh doanh và quản lý	STT	Chương trình đào tạo	Mã đăng ký xét tuyển	Thuộc ngành	Tổ hợp xét tuyển (Phương thức 4,6)		Điểm trúng tuyển 2022 (Phương thức 3, 4, 6)			Chỉ tiêu 2023	 Scan QR code để xem tổ hợp n	
	1	Cử nhân Tài năng ISB BBus	ISB_CNTN	Quản trị kinh doanh	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3	A00 A01 D01 D07	72	72	27.5	550		
				Kinh doanh quốc tế								
				Marketing								
				Tài chính – Ngân hàng								
2	Cử nhân ASEAN Co-op	ASA_Co-op	Kế toán	- D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	Chương trình mới tuyển sinh năm 2023	50						
Tài chính – Ngân hàng	D22, D23, D24, D25, AH2											
			Marketing									



Scan QR code để xem tổ hợp môn

#1 CHỌN NƠI HỌC & CHỌN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Chương trình đào tạo	Mã đăng ký xét tuyển	Thuộc ngành	Tổ hợp xét tuyển (Phương thức 4,6)		Điểm trúng tuyển 2022 (Phương thức 3, 4, 5, 6)					Chỉ tiêu 2023	
				PT4	PT6	PT3	PT4	PT5	PT6			
PHẠM VI TUYỂN SINH CẢ NƯỚC												
I.	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản			-A00 -A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 -D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 -D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00 A01 D01 D07	Chương trình mới tuyển sinh năm 2023					30	
1	Kinh doanh nông nghiệp ⁽⁵⁾	7620114	Kinh doanh nông nghiệp									
II.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý											
2	Thương mại điện tử ^(*)	7340122	Thương mại điện tử									
3	Chương trình Cử nhân quốc tế Mekong được cấp bằng bởi: WSU (Úc); VUW (New Zealand); UVic (Canada); MUST (Đài Loan)	Mekong-VL	Tài chính ứng dụng Marketing và Truyền thông Kinh doanh quốc tế Quản trị nguồn nhân lực Kế toán									
III.	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân											
4	Quản trị khách sạn	7810201	Quản trị khách sạn									
IV.	Lĩnh vực Máy tính, Công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật											
5	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7489001	Công nghệ và đổi mới sáng tạo									
6	Robot và Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)	7480107	Trí tuệ nhân tạo									
7	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng									
V.	Lĩnh vực Nhân văn			- D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	D01, D96							
8	Tiếng Anh thương mại ^(***)	7220201	Ngôn ngữ Anh			48	37	600	17	30		
VI.	Lĩnh vực Pháp luật			-A00 -A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 -D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	A00 A01 D01 D96							
9	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế			48	37	550	16	30		
PHẠM VI TUYỂN SINH KHU VỰC ĐBSCL												
I.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý			-A00 -A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 -D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 -D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00 A01 D01 D07						60	
1	Quản trị	7340101	Quản trị kinh doanh									
2	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế									
3	Marketing	7340115	Marketing									
4	Ngân hàng	7340201_01	Tài chính – Ngân hàng									
5	Tài chính	7340201_02	Tài chính – Ngân hàng									
6	Kế toán doanh nghiệp	7340301	Kế toán									

(5): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp.

(*) : Toàn nhân hệ số 2 (Đối với PT6 thì TINTHT 2023), quy về thang điểm 30.

(**): Tiếng Anh hệ số 2 (Đối với PT6 thì TINTHT 2023), quy về thang điểm 30.

(***): Yêu cầu có chứng chỉ tiếng Anh IELTS Academic từ 6.0 (hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên).

(5): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp.
(*): Toán nhân hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2023), quy về thang điểm 30.
(**): Tiếng Anh hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2023), quy về thang điểm 30.
(***): Yêu cầu có chứng chỉ tiếng Anh IELTS Academic từ 6.0 (hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên).

Bằng tốt nghiệp Cử nhân hệ Đại học chính quy tập trung Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh - UEH (không phân biệt nơi học).

- Sinh viên năm cuối tham gia chương trình luân chuyển campus, học tại cơ sở chính TP. HCM và tham gia chương trình trao đổi sinh viên Summer Camp với các trường khối ngành kinh tế trên cả nước hàng năm.**
- Thừa hưởng các chính sách và chương trình đào tạo tiên tiến với giáo trình và đội ngũ giảng viên như cơ sở chính.**
- Học phí bằng 70% học phí tại TP. Hồ Chí Minh.**
- Có hội nhận học bổng theo chính sách của UEH như sinh viên học tại TP. Hồ Chí Minh.**

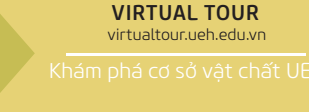
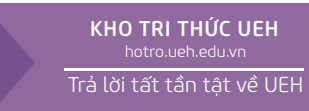
mekongtalent.ueh.edu.vn


Hotline tư vấn hướng nghiệp
 028 7306 1976


Fanpage UEH
<https://www.facebook.com/DHKT.UEH>


Fanpage tuyển sinh UEH
<https://www.facebook.com/tvts.ueh>

 **Đặt lịch tư vấn với
Giám đốc chương trình (Virtual Open Day)**
<https://event.ueh.edu.vn/>



ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH - UEH
 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN / TIẾNG ANH TOÀN PHẦN
 (028) 3823 0082 tuyensinhdaihoc.ueh.edu.vn
 0902 230 082 - 0941 230 082 tuyensinh.ueh.edu.vn
 facebook.com/tvts.ueh/ **GROUP FB TV TẤT VŨN**
 facebook.com/group

 Chương trình liên kết Đại học Victoria of Wellington (VUW)
(028) 397 2227 - 0783 819 993 victoria.edu.vn

 Chương trình liên kết Đại học Lincoln, Vương Quốc Anh
(028) 3825 7364 - 0917 214 789 lbr.edu.vn

 Chương trình liên kết Đại học Rennes 1, Pháp
0938 711 627 rennes.sof.edu.vn

 Du học Global Pathways
(028) 3622 1818 kfo.edu.vn

 IB Nguyễn Trùng Trục, Phường 8, P. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN
(027) 3823463 kvs@ueh.edu.vn
 0899 002 939 facebook.com/uehnhin

 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
Trung tâm đào tạo quốc tế Mekong
(027) 393789 - 0702 992 939 mekong@ueh.edu.vn
 mekongtalent.ueh.edu.vn facebook.com/mekongtalent

Kinh tế đầu tư

Mạng lưới các trường đại học

Đông Nam Á